

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay di chuyển xuống giao dịch trong vùng 1,225 – 1,235 ngay từ lúc mở cửa phiên sáng và sau cùng đóng cửa tại mốc 1,233.19 điểm, giảm hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính,... Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm, Hóa chất, Bất động sản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản hôm nay giảm mạnh cho thấy tâm lý thị trường còn e dè sau nhịp điều chỉnh sâu. Hiện tại, VN-Index vẫn đang trong quá trình dò đáy tại ngưỡng 1,230.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.28** điểm, đóng cửa tại **1233.19** điểm. HNX-Index **-0.92** điểm, đóng cửa tại **235.25** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.67)**, **BCM (+0.58)**, **GVR (+0.30)**, **REE (+0.18)**, **BVH (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.84)**, **HVN (-0.76)**, **HPG (-0.54)**, **LPB (-0.49)**, **TCB (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,629** tỷ đồng, giảm **-39.96%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,691 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.47 điểm. Thị trường có **131** mã tăng, 75 mã tham chiếu, **294** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-491.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-168.44 tỷ)**, **TLG (-71.14 tỷ)**, **VHM (-60.23 tỷ)**, **HPG (-39.24 tỷ)**, **VPB (-23.71 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7.82** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.52%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGW (+1.88%)**, **DGC (+0.91%)**, **VHC (+0.71%)**.
- BSC50 **-0.06%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+2.90%)**, **BSI (+2.38%)**, **REE (+2.17%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.52%	-0.06%	-0.43%	-0.65%
1 tuần	-3.45%	-3.71%	-2.82%	-1.98%
1 tháng	-0.96%	-2.30%	-0.73%	0.01%
3 tháng	7.36%	10.10%	5.14%	4.03%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,233.19	235.25	94.51
% 1D	-0.43%	-0.39%	-0.02%
GTGD (tỷ VND)	9,629	690	525
%1D	-39.96%	-41.17%	-46.62%
GDNN (tỷ VND)	-491.03	7.82	9.05

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	75.88	SSI	-168.44
FPT	24.63	TLG	-71.14
BID	18.05	VHM	-60.23
FRT	13.53	HPG	-39.24
FUESSVFL	12.19	VPB	-23.71

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,427	-2.31%	-2.88%
FTSE100	8,085	-0.84%	-1.46%
Eurostoxx	4,798	-1.42%	-1.85%
Shanghai	2,887	-0.52%	-3.04%
Nikkei	37,898	-3.14%	-5.54%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	81.14	-0.70%
Giá vàng	2,373	-1.66%

Tỷ giá

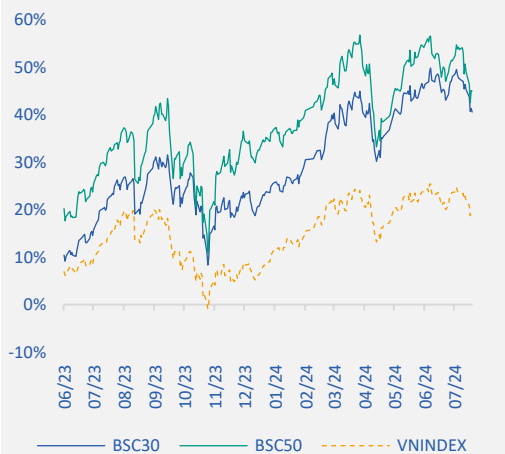
	Giá trị	%
USD/VND	25,478	0.00%
EUR/VND	28,252	-0.10%
JPY/VND	165	1.19%

Lãi suất

	Giá trị	%
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1276.5	-0.73%	459	39.09%	9/19/2024	56
VN30F2412	1279	-0.61%	74	-54.3%	12/19/2024	147
VN30F2503	1281.9	-0.50%	35	-39.66%	3/20/2025	238
VN30F2408	1276.6	-0.54%	207369	-17.42%	8/15/2024	21

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -8.33 điểm, đóng cửa tại 1272.18 điểm. Biên độ dao động 14.63 điểm. Các cổ phiếu như HPG, FPT, SSI, STB, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ với biên độ giao động lớn. Thanh khoản thị trường nằm dưới ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch cẩn trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2409, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2313	8/9/2024	15	189,100	1.05%	50.00	1,940	0.5%	1.85	61.64	61.00	61.00
CSTB2325	8/5/2024	11	275,400	13.54%	31.50	300	0.0%	0.02	32.70	28.80	28.80
CVIC2308	8/9/2024	15	195,200	21.63%	50.00	60	0.0%	0.00	50.60	41.60	41.60
CMBB2312	8/5/2024	11	34,600	2.38%	19.50	2,510	0.0%	2.24	24.52	23.95	23.95
CMSN2311	8/5/2024	11	296,000	24.87%	88.50	20	0.0%	0.00	88.66	71.00	71.00
CFPT2313	8/9/2024	15	33,000	16.08%	100.00	4,510	-1.5%	2.52	145.10	125.00	125.00
CACB2307	8/21/2024	27	285,800	21.41%	25.00	700	-2.8%	0.07	29.20	24.05	24.05
CMWG2310	8/5/2024	11	222,200	1.64%	54.50	1,500	-3.2%	1.33	62.00	61.00	61.00
CMBB2317	8/21/2024	27	870,900	1.88%	20.00	880	-3.3%	0.81	24.40	23.95	23.95
CTCB2310	10/9/2024	76	353,900	-31.20%	3.39	1,580	-4.8%	2.50	15.65	22.75	22.75
CVPB2312	8/5/2024	11	783,100	16.08%	21.00	150	-6.3%	0.00	21.30	18.35	18.35
CMBB2314	8/9/2024	15	50,300	1.88%	20.00	1,100	-7.6%	1.00	24.40	23.95	23.95
CVPB2321	8/21/2024	27	199,300	9.16%	18.00	290	-9.4%	0.13	20.03	18.35	18.35
CVIB2304	8/9/2024	15	533,100	6.92%	20.00	560	-9.7%	0.27	22.24	20.80	20.80
CVIB2307	8/21/2024	27	1,160,400	8.27%	21.00	380	-15.6%	0.18	22.52	20.80	20.80
CHPG2329	8/5/2024	11	268,500	11.37%	29.00	730	-17.0%	0.08	30.46	27.35	27.35
CSTB2327	8/9/2024	15	307,600	11.74%	32.00	30	-25.0%	0.02	32.18	28.80	28.80
CVNM2310	8/9/2024	15	680,500	22.10%	80.00	10	-50.0%	0.00	80.10	65.60	65.60
CVRE2313	8/5/2024	11	52,100	49.95%	29.50	10	-50.0%	0.00	29.54	19.70	19.70
CVPB2314	8/9/2024	15	1,457,900	31.01%	24.00	10	-50.0%	0.00	24.04	18.35	18.35

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 25/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2320 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 28.21%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.06%.
- CTCB2307, CVRE2313, CVPB2314, CMSN2311, và CVNM2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2404, CVNM2403, CVNM2315, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	41.60	1.71%	0.86
BCM	69.10	3.29%	0.10
BVH	43.20	1.77%	0.06
GVR	33.00	0.92%	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.35	-1.26%	-1.16
FPT	125.00	-0.79%	-1.12
SSI	31.90	-3.04%	-1.07
STB	28.80	-1.37%	-0.78
VPB	18.35	-0.81%	-0.74

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	41.60	1.71%	0.67	3.82
BCM	69.10	3.29%	0.58	1.04
GVR	33.00	0.92%	0.30	4.00
REE	70.50	2.17%	0.18	0.47
BVH	43.20	1.77%	0.14	0.74

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	15.40	10.00%	0.76	0.68
NTP	61.00	6.46%	0.37	0.13
CEO	15.50	1.97%	0.11	0.51
NET	96.90	4.31%	0.07	0.02
BAB	12.10	0.83%	0.07	0.90

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTA	10.70	7.00%	0.03	1.52
SMA	10.10	6.77%	0.00	0.00
HRC	45.40	6.70%	0.02	0.00
TDC	11.20	6.67%	0.02	0.95
FUEIP100	8.97	6.15%	0.00	0.00

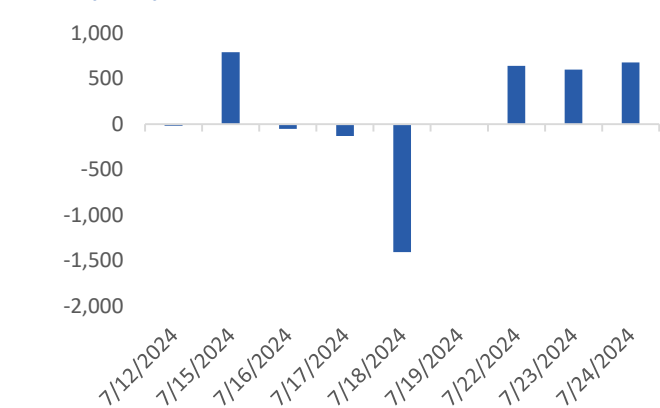
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCM	6.90	9.52%	0.01	0.00
PPP	13.00	9.24%	0.01	0.00
SJ1	17.40	8.07%	0.05	0.00
L43	11.50	7.48%	0.08	0.00
NTP	2.70	6.72%	0.00	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	31.55	-2.02%	-0.84	5.37
HVN	20.20	-6.91%	-0.76	2.21
HPG	27.35	-1.26%	-0.54	6.40
LPB	30.40	-2.56%	-0.49	2.56
TCB	22.75	-1.09%	-0.43	7.05

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	51.50	-4.10%	-0.36	0.23
IDC	57.00	-2.06%	-0.28	0.33
KSV	35.00	-5.15%	-0.26	0.20
SHS	16.60	-2.35%	-0.23	0.81
VIF	16.00	-3.03%	-0.12	0.35

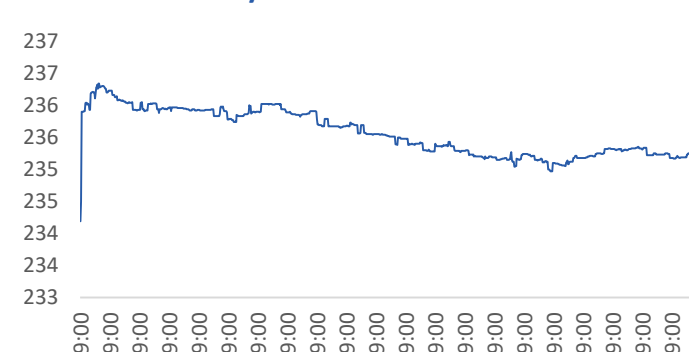
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	8.65	-6.99%	-0.01	0.04
QCG	6.80	-6.98%	-0.03	0.05
SRC	35.45	-6.96%	-0.02	0.00
LDG	2.41	-6.95%	-0.01	3.77
HVN	20.20	-6.91%	-0.76	7.39

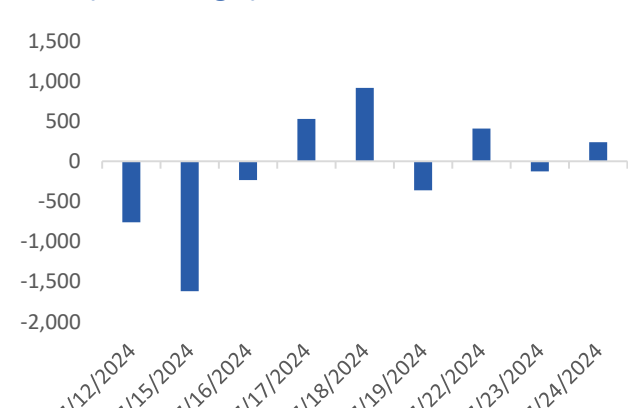
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TJC	16.30	-9.94%	-0.05	0.00
NTH	55.00	-9.84%	-0.22	0.00
BTW	36.20	-9.73%	-0.12	0.00
PRC	19.10	-9.48%	-0.01	0.00
NBW	27.90	-9.42%	-0.11	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	87.3	-0.20%	0.6	19,251	3.0	5,838	15.0	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.0	-0.20%	1.1	10,346	2.7	3,841	12.0	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	-0.80%	1.0	5,744	7.6	1,397	13.1	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	22.8	-1.10%	1.1	6,324	7.5	3,047	7.5	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	0.00%	0.9	5,014	19.3	3,818	6.3	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.8	-1.40%	1.1	2,142	9.7	4,206	6.8	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	-2.00%	1.3	6,685	7.6	3,751	8.4	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.60%	0.8	4,238	6.8	3,676	6.5	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	31.9	-3.00%	1.2	1,899	20.7	1,704	18.7		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	57.0	-2.10%	1.2	742	1.5	5,880	9.7	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	27.4	-1.30%	1.2	6,902	14.4	1,601	17.1	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	22.8	-0.20%	1.7	555	5.4	1,423	16.1	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	37.8	-0.10%	1.0	6,494	9.3	5,326	7.1	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	36.0	0.00%	1.4	1,135	1.4	726	49.6	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	41.6	-1.10%	1.4	631	1.7	1,102	37.7	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	111.0	0.90%	1.4	1,663	5.1	7,849	14.1	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	35.8	0.00%	1.3	747	3.0	2,313	15.5	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	76.8	-0.30%	0.6	6,960	1.5	4,688	16.4	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.0	0.00%	1.1	773	2.4	1,992	20.6	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	27.7	0.40%	1.3	608	1.5	1,200	23.1	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	12.9	-2.30%	0.8	1,192	4.4	350	36.9	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	70.5	0.70%	1.2	624	0.6	3,774	18.7	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	77.7	-0.30%	0.9	952	1.3	8,430	9.2	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	65.6	0.00%	0.6	5,409	5.1	4,408	14.9	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	71.0	-0.70%	1.3	4,238	4.6	215	329.7	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	61.0	-0.70%	1.3	3,518	11.8	717	85.1	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.8	0.00%	0.9	1,251	1.0	5,860	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.7	1.90%	1.7	394	3.3	2,200	27.1	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	125.0	-0.80%	1.0	7,203	12.6	4,889	25.6	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	129.0	-1.10%	1.3	582	1.6	4,582	28.2	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.0	0.00%	0.9	2,879	5.4	3,809	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	20.8	-1.00%	1.1	2,082	2.3	3,315	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	-0.80%	1.2	1,546	5.3	2,050	8.7	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	-0.30%	1.1	1,148	2.2	2,310	6.3	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.3	0.00%	1.0	1,257	0.9	1,147	16.0	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	25.0	-2.00%	1.6	696	3.5	1,397	17.9	1.7	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	44.6	-0.40%	1.7	778	3.9	1,763	25.3	2.2	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.7	-0.90%	1.5	943	3.5	1,591	9.9	1.4	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	43.0	2.40%	1.7	378	0.5	2,165	19.9	1.8	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	16.6	-2.40%	1.7	533	5.3	1,338	12.4	1.2	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	66.5	0.00%	1.2	262	0.9	2,709	24.5	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	11.2	-1.30%	1.5	191	0.5	833	13.4	0.5	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.8	-1.40%	1.6	83	0.4	655	16.6	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	37.6	-0.10%	1.2	267	1.1	1,549	24.3	2.3	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	77.8	-0.30%	1.3	642	0.4	5,701	13.6	3.7	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	56.1	-1.10%	1.1	300	0.1	3,448	16.3	2.0	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	24.3	-0.60%	1.7	585	5.6	(38)	-633.0	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	15.5	-3.10%	1.3	315	1.5	312	49.7	1.4	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	27.8	0.90%	1.5	840	2.0	1,262	22.0	1.2	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	49.4	0.60%	1.2	874	0.2	2,746	18.0	2.7	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.0	0.90%	1.5	5,208	2.5	628	52.6	2.6	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	23.2	-0.90%	1.6	241	2.3	1,222	19.0	1.1	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	93.2	-0.50%	1.0	301	0.3	11,420	8.2	2.9	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.0	0.70%	1.6	223	1.5	865	17.3	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	14.3	0.00%	1.7	407	4.3	420	34.1	1.0	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	19.7	-2.20%	1.2	1,766	11.1	1,975	10.0	1.1	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	20.0	-0.70%	1.6	691	2.5	557	36.0	1.6	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	24.3	-0.60%	1.7	585	5.6	(38)	-633.0	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	16.6	0.00%	1.3	585	0.6	73	227.2	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.2	1.10%	1.4	-	0.1	433	21.2	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	37.3	2.90%	1.8	163	2.2	4,797	7.8	1.1	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.6	-0.10%	1.2	122	0.0	3,461	11.1	1.6	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.4	0.30%	0.8	162	0.4	2,510	13.7	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	28.4	-0.40%	1.3	348	1.2	651	43.6	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	28.5	1.40%	1.3	378	4.3	2,061	13.8	1.4	15.6%	12.9%
GEX	Điện	22.4	-0.40%	1.7	753	4.7	625	35.9	1.5	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.2	0.00%	0.6	-	0.1	1,354	11.2	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	46.4	-0.30%	1.0	2,324	2.1	2,570	18.0	2.2	17.8%	10.7%
BSR	O&G	21.7	0.90%	1.2	-	4.5	2,588	8.4	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.6	-0.80%	1.5	82	0.1	1,112	23.0	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	33.6	0.10%	1.4	177	1.2	262	128.3	1.6	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	68.2	-0.60%	0.7	180	0.4	4,765	14.3	1.7	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.9	0.30%	1.5	210	1.3	532	37.4	1.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	43.0	1.70%	1.3	206	6.2	3,081	14.0	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	76.0	-1.60%	1.5	365	1.1	2,980	25.5	5.7	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	26.6	0.40%	1.7	339	4.4	1,729	15.4	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	172.0	-1.10%	0.7	925	1.9	(2,215)	-77.6	13.9	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.6	0.00%	0.6	-	0.2	6,737	7.2	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	24.5	0.80%	1.2	118	1.1	1,981	12.4	1.6	19.1%	12.5%
PVT	O&G	27.6	0.20%	1.0	388	1.5	3,150	8.8	1.2	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	35.0	0.60%	1.3	540	0.9	1,372	25.5	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	70.5	2.20%	1.0	1,310	2.9	4,706	15.0	1.7	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639